

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

VIC, CTR

## [Vĩ mô/Chiến lược]

Bản tin Thị trường Trái phiếu tháng 5/2022

## [Cập nhật công ty]

PC1

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị trải hạ dần tỷ trọng của các vị thế ngắn hạn tại các vùng kháng cự gần đối với cổ phiếu mục tiêu

14/06/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,230.31	+0.27
VN30	1,261.16	+0.02
HĐTL VN30F1M	1,268.30	+0.64
HNXIndex	290.08	+0.59
HNX30	519.58	+0.88
UPCoM	90.62	+0.10
USD/VND	23,215	+0.06
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.25	+7
Lãi suất qua đêm (%)	0.35	+10
Dầu (WTI, \$)	121.75	+0.68
Vàng (LME, \$)	1,829.58	+0.57



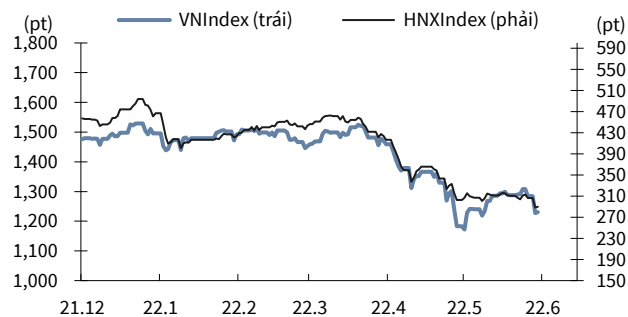
# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,230.31 (+0.27%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>560.9 (-14.2%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>625.3 (-21.7%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>290.08 (+0.59%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>64.4 (-44.2%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>58.2 (-36.8%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>90.62 (+0.10%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>56.6 (-23.8%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>50.1 (-22.5%)</b>

TTCK Việt Nam tăng điểm sau khi Bộ Tài chính dự kiến đề xuất, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong thẩm quyền giảm kịch khung thuế bảo vệ môi trường với xăng, dầu góp phần kiềm chế lạm phát trong thời gian tới. Giá dầu tăng trong bối cảnh nhà đầu tư quan ngại nhiều hơn về rủi ro thiếu hụt nguồn cung khi OPEC+ khó thực hiện cam kết gia tăng sản lượng dầu giúp cổ phiếu dầu khí tăng ở BSR (+7.8%), GAS (+6.8%). Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, cao su có sự tăng trưởng mạnh về sản lượng xuất khẩu trong tháng 5 đạt 114 nghìn tấn (+45.7% MoM) với trị giá đạt 195 triệu USD (+37.8% MoM), tương ứng tăng 37.9% và 35.9% so với cùng kỳ tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm cao su ở GVR (+1.9%), PHR (+1.4%). Khối ngoại mua ròng ở GAS (+6.8%), HPG (-4.7%), HDB (+1.4%).

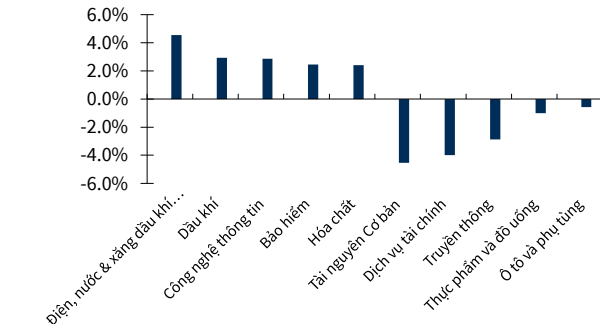
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +15.3**

**VNIndex & HNXIndex**



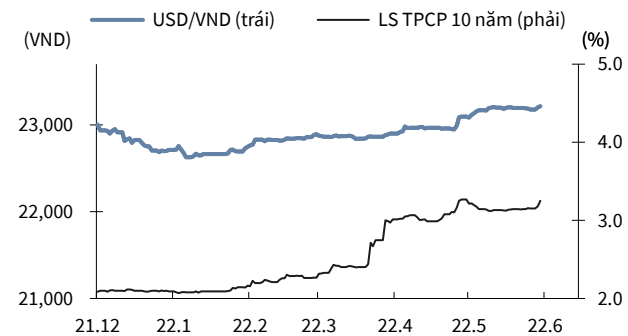
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Biến động nhóm ngành**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

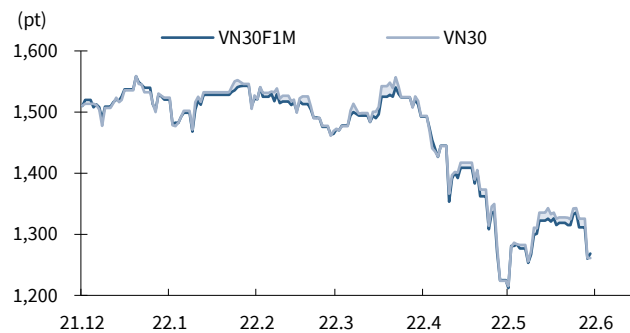
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,261.16 (+0.02%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,268.3 (+0.64%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,254.8</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,272.5</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,250.0</b>

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2206 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức thấp nhất -8.35 điểm, sau đó đảo chiều trong phiên và biến động trong biên độ dương trước khi đóng cửa tại mức tại mức 7.08 điểm. Khối ngoại giao dịch bán ròng với thanh khoản thị trường tăng.

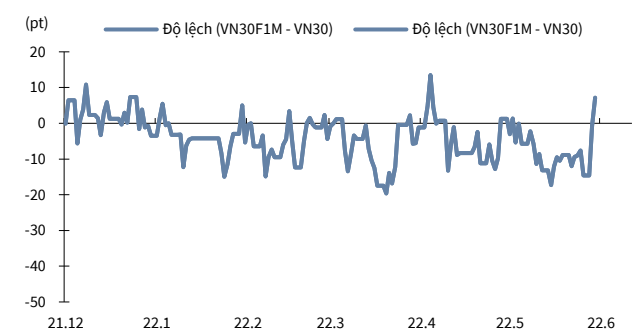
**KLGD (HĐ)**      **364,900 (+7.7%)**

## HĐTL VN30F1M & VN30



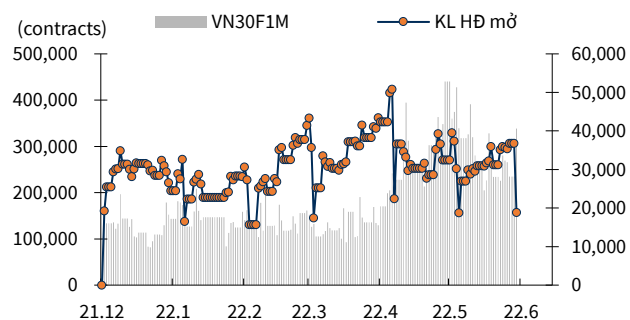
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



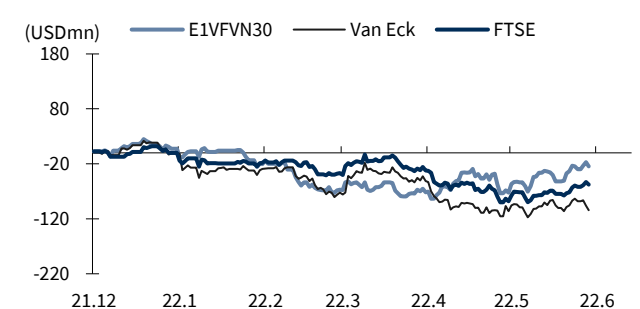
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

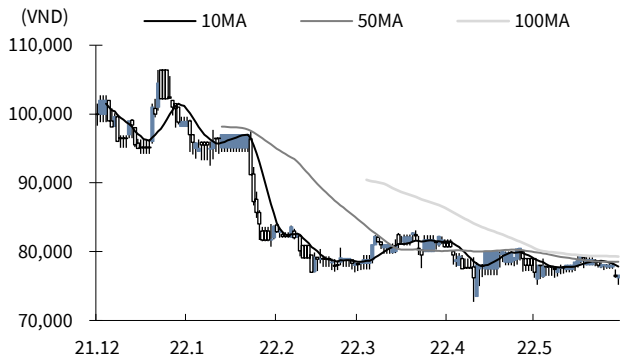
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Tập đoàn Vingroup – CTCP (VIC)

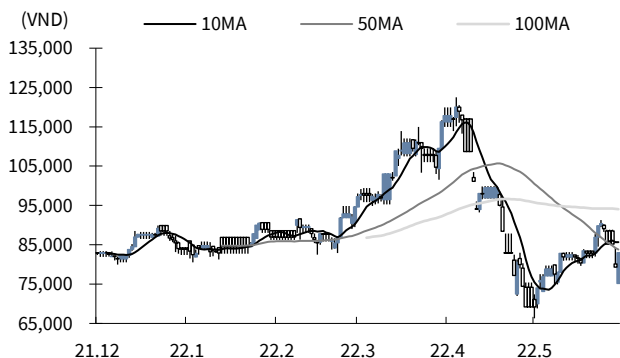


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC tăng 0.26% lên 76,600 VND/cp

- VinFast vừa mới công bố kế hoạch mở hơn 50 trung tâm bán hàng và dịch vụ hậu mãi (VinFast Store) tại Đức, Pháp và Hà Lan. Theo đó, VinFast có kế hoạch mở ít nhất 25 VinFast Store tại Đức, 20 tại Pháp và 5 tại Hà Lan. Các cửa hàng sẽ có quy mô khác nhau, cung cấp dịch vụ trải nghiệm sản phẩm, bán hàng và xưởng dịch vụ, tùy thuộc vào quy mô của địa điểm.

## Tổng CTCP Công trình Viettel (CTR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTR tăng 4.67% lên 83,000 VND/cp

- Viettel Construction công bố kết quả kinh doanh 5 tháng đầu năm 2022 với lợi nhuận trước thuế ước đạt gần 194 tỷ đồng, tăng trưởng ở mức 24,2% YoY và doanh thu ước đạt hơn 3,432 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, doanh thu trong lĩnh vực vận hành khai thác chiếm tới 59%, tương đương 2.036 tỷ đồng và mảng xây lắp, chiếm tỷ trọng 25% (839 tỷ đồng).

14/06/2022

**Doanh thu Quý 1/2022 giảm nhẹ 4.5% YoY tuy nhiên LNST tăng mạnh 124% YoY**

Trong Quý 1/2022 PC1 ghi nhận kết quả kinh doanh trái ngược với Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt 1,478 tỷ VNĐ (-4.5% YoY) và 179 tỷ VNĐ (+124% YoY). Chúng tôi nhận thấy rằng, sự đóng góp nhiều hơn của mảng có biên lợi nhuận cao là mảng điện (biên lợi nhuận gộp mảng điện trong Quý 1/2022 là 63%, cao hơn Quý 1/2021 là 53%) đủ bù đắp sự suy giảm của những mảng hoạt động chính như xây lắp điện.

**Mảng điện tiếp tục giữ đà tăng trưởng nhờ tình hình thủy văn thuận lợi trong năm 2022 và các dự án mới trong giai đoạn tới**

Chúng tôi cho rằng mảng thủy điện và điện gió của PC1 sẽ tiếp tục có diễn biến thuận lợi trong năm 2022 nhờ vào La Nina khả năng cao sẽ tiếp tục xảy ra tới cuối năm và diễn biến thiếu nguồn cung than cho các nhà máy điện than cũng như giá khí đầu vào của các nhà máy điện khí cao cũng góp phần đẩy giá thị trường điện cạnh tranh (CGM) duy trì ở mức cao, góp phần tăng tính cạnh tranh cho thủy điện và điện gió do 2 loại hình này có chi phí huy động rẻ hơn với nhiệt điện khí và nhiệt điện than.

**Thay đổi dự phóng cho mỏ Nickel dựa trên tiến độ cũng như trữ lượng của mỏ**

Theo ước tính của PC1, dự án sẽ đạt mức IRR 18% ở mức giá Nickel khoảng 17,000 USD/tấn và toàn bộ sản phẩm được bán bằng giá spot (giá giao ngay) trên thị trường. Với tổng trữ lượng mỏ khoảng 14 triệu tấn, chúng tôi dự phóng vòng đời khai thác của mỏ sẽ đạt khoảng 12-13 năm với tổng doanh thu sẽ đạt khoảng 32.5 nghìn tỷ VNĐ và LNST đạt 9.76 nghìn tỷ VNĐ với các giả định: (1) Giá Nickel trong toàn vòng đời khai thác đạt 23,000 USD/tấn, (2) Biên LN ròng đạt 30% - mức tương đồng với các công ty khai khoáng Nickel trên thế giới.

**Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 56,700 VNĐ/cổ phiếu**

Dựa trên định giá SOTP, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu PC1. Giá mục tiêu là 56,700 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 40.3% so với giá tại ngày 14/06/2022.

## Mua

### Giá mục tiêu

VNĐ 56,700

Tăng/giảm (%)	40.3%
Giá hiện tại (14/06/2022)	VNĐ40,400
Giá mục tiêu thị trường	VNĐ47,900

### Dự phóng KQKD & định giá

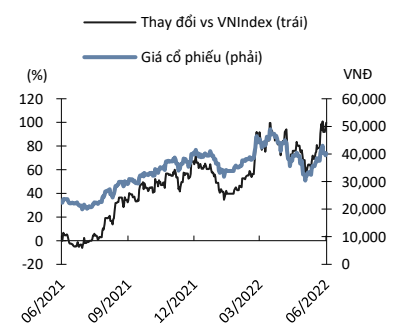
Năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh thu (tỷ VNĐ)	6,679	9,813	10,498	13,747
EBIT	823	850	1,850	2,709
LN sau CĐTS	513	691	1,202	2,194
EPS (VNĐ)	2,682	3,003	5,111	9,328
Thay đổi EPS (%)	19.4	12.0	70.0	83.0
P/E (x)	6.9	13.1	12.8	7.0
EV/EBITDA (x)	6.0	14.5	9.2	6.5
P/B (x)	0.7	1.7	2.0	1.3
ROE (%)	11.4	12.2	15.3	18.9
Tỷ suất cổ tức (%)	0.4	0.3	0.0	0.0

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	74.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	90.14
Sở hữu nước ngoài (%)	45.0%
Cổ đông lớn	CTCP BEHS (24.04%)

### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
PC1	21.4	-10.8	-2.2	77.2
VNINDEX	17.0	6.6	17.6	96.6



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Thị trường trái phiếu tháng 05 năm 2022

## Thanh khoản hệ thống ổn định hơn

13/06/2022

### Trạng thái thanh khoản tiền Đồng ổn định hơn

- Lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh
- Thị trường TPCP sơ cấp hoạt động tích cực hơn do nhu cầu mua TPCP từ các NHTM tăng trở lại. Thanh khoản trên thị trường thứ cấp giảm với đường cong lợi suất có xu hướng dịch chuyển lên phía trên

KBSV dự báo mặt bằng lãi suất liên ngân hàng sẽ tiếp tục đi ngang nhờ việc thanh khoản hệ thống dần ổn định hơn. Lợi suất TPCP có thể tăng nhẹ do nguồn cung khá lớn

### Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp hoạt động tích cực hơn

- Vingroup phát hành thành công 525 triệu USD trái phiếu quốc tế đóng góp 60% tỉ trọng tổng giá trị phát hành TPDN
- Giá trị phát hành TPDN trong nước chủ yếu đến từ nhóm ngân hàng. Bên cạnh đó, nhóm bất động sản cũng đã phát hành TPDN trở lại
- Áp lực đáo hạn TPDN trong năm 2022 khiến nhu cầu phát hành TPDN tăng, tuy nhiên sẽ gặp nhiều thách thức về mặt chính sách, và pháp lý

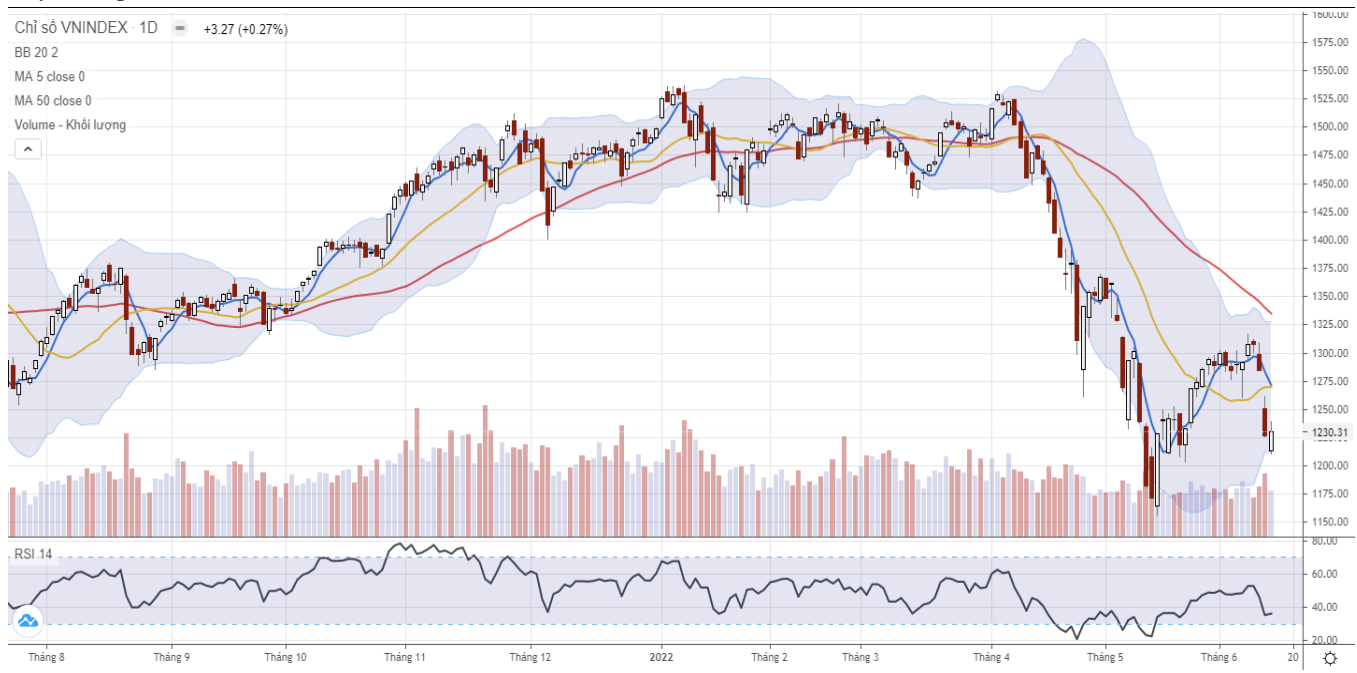
### Tỷ giá liên ngân hàng và tỷ giá chợ đen đều tăng

- Tỷ giá liên ngân hàng tăng lên 23,195
- Tỷ giá chợ đen tăng cao khi chênh lệch giá vàng trong nước – quốc tế vẫn nới rộng khoảng cách và lập kỉ lục mới lên tới 18 triệu đồng/ lạng

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex

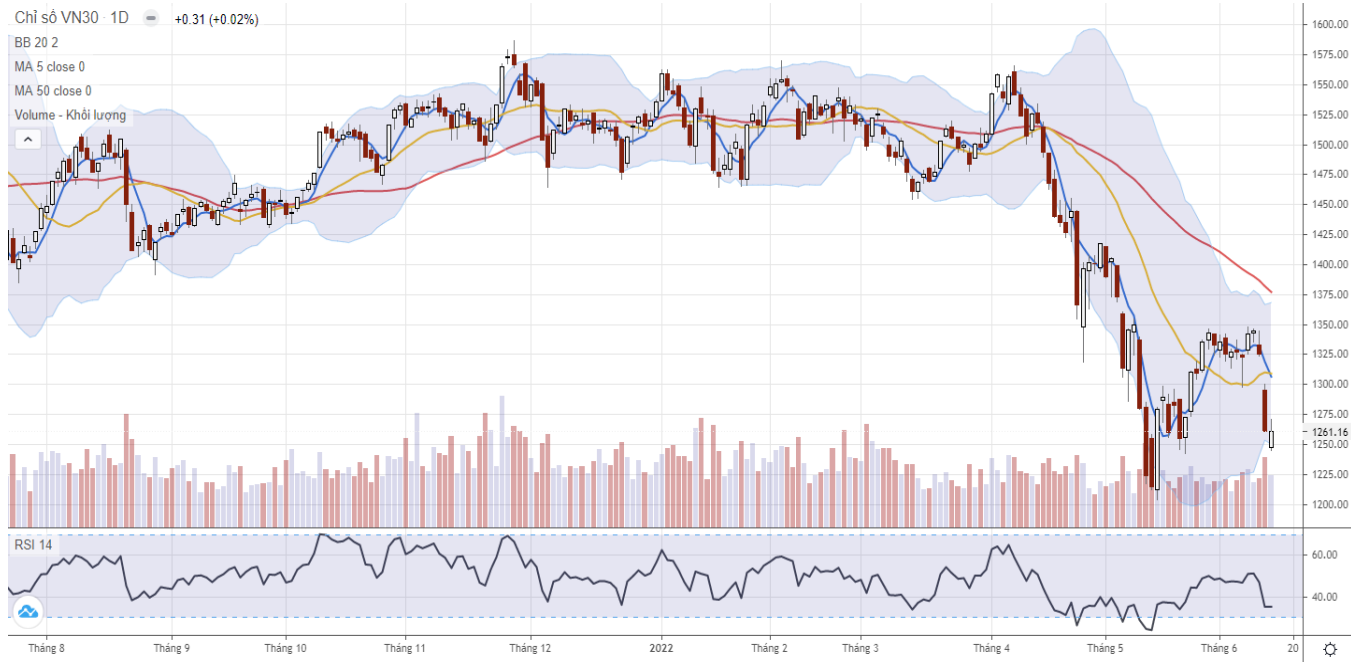


Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

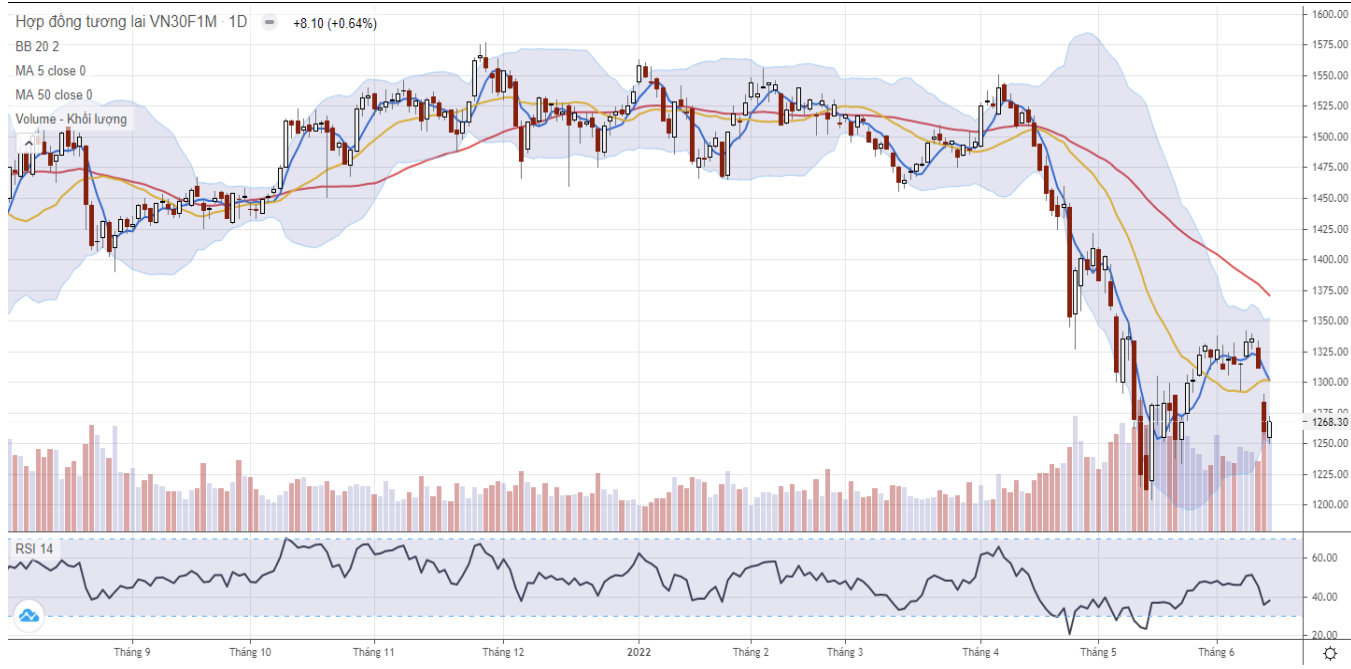
- Sau nhịp điều chỉnh đầu phiên, VNIndex dần hồi phục và tăng điểm giằng co về cuối phiên.
- Sự tiết giảm của bên bán cùng với phản ứng sớm của vùng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 1200 đã giúp cho chỉ số lấy lại trạng thái cân bằng hơn sau một phiên điều chỉnh mạnh. Diễn biến này để ngỏ cơ hội mở rộng nhịp hồi phục trong những phiên tới nhưng chưa đủ để loại bỏ rủi ro quay xuống test lại hoặc chớm phá đáy 1 lần nữa.
- NĐT được khuyến nghị trải hạ dần tỷ trọng của các vị thế ngắn hạn tại các vùng kháng cự gần đối với cổ phiếu mục tiêu.



## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:** 1295 - 1300

**Kháng cự gần:** 1279 - 1283

**Hỗ trợ gần:** 1245 - 1248

**Hỗ trợ xa:** 1235 - 1237

- Sau nhịp điều chỉnh đầu phiên, F1 dần hồi phục và mở rộng đà tăng điểm về cuối phiên.
- Vùng hỗ trợ sâu quanh 123x đã cho phản ứng sớm và giúp cho chỉ số lấy lại trạng thái cân bằng hơn sau một phiên điều chỉnh mạnh. Diễn biến này để ngỏ cơ hội mở rộng nhịp hồi phục trong những phiên tới nhưng chưa đủ để loại bỏ rủi ro quay xuống test lại hoặc chớm phá đáy 1 lần nữa.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT tại các vùng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đứng ngoài quan sát.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*



# KBSV danh mục đầu tư mẫu

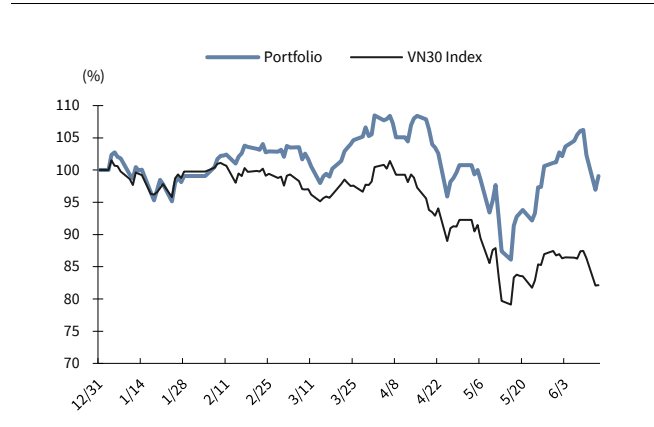
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.02%	2.18%
Tăng lũy kế (YTD)	-17.88%	-0.93%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 14/06/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	143,500	2.5%	89.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	60,400	4.1%	-2.5%	- Giá phân bốn tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	116,000	3.3%	51.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tân Uyên (NTC)	11/11/2021	170,000	0.3%	-10.9%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	90,500	4.6%	197.0%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	89,100	3.4%	209.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	25,250	0.0%	39.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	126,000	6.8%	58.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	30,300	-4.7%	128.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	43,000	1.5%	221.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
GAS	6.8%	2.8%	54.3
HPG	-4.7%	20.8%	50.1
HDB	1.4%	16.8%	36.0
DPM	4.1%	16.0%	33.8
VHM	0.0%	23.4%	33.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PNJ	3.3%	49.0%	-45.1
NVL	0.8%	6.2%	-31.2
MWG	2.5%	49.0%	-172.6
VNM	-0.5%	54.4%	-33.9
VIC	0.3%	12.4%	-38.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	9.9%	9.2%	29.7
HUT	-5.7%	0.7%	5.0
CEO	0.3%	0.7%	1.7
PVI	0.0%	58.4%	0.8
TNG	5.4%	2.8%	0.7

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IDC	2.2%	1.9%	-1.6
NVB	-1.4%	12.3%	-0.4
THD	9.1%	1.3%	-0.3
DDG	0.0%	0.0%	-0.3
VCS	-2.2%	3.2%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	-1.5%	DMC, IMP
Xây dựng và Vật Liệu	-1.9%	VGC, CTD
Du lịch và Giải trí	-2.0%	RIC, HOT
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.4%	POW, NT2
Bất động sản	-2.7%	NVL, SJS

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-10.2%	SSI, VND
Tài nguyên Cơ bản	-8.5%	HPG, HSG
Thực phẩm và đồ uống	-7.7%	MSN, VNM
Hàng cá nhân & Gia dụng	-7.6%	PNJ, GIL
Dầu khí	-7.3%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	22.2%	DGC, GVR
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	21.8%	GAS, POW
Dầu khí	18.3%	PLX, PVD
Bán lẻ	16.1%	MWG, FRT
Công nghệ thông tin	13.5%	FPT, SAM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-13.5%	HPG, HSG
Du lịch và Giải trí	-1.5%	HVN, VJC
Dịch vụ tài chính	-0.4%	SSI, VND
Bất động sản	-0.3%	BCM, VIC
Y tế	0.3%	DBD, TNH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	143,813 (6.2)	22.5	260.0	91.7	14.7	1.0	3.0	2.8	2.8	0.3	-1.8	-1.8	-19.5
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	218,201 (9.4)	26.6	9.0	7.6	35.9	22.8	21.9	1.9	1.6	0.0	-3.6	-2.9	-19.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	75,789 (3.3)	17.8	29.4	19.5	-7.6	7.3	10.2	2.1	1.9	0.5	-2.5	15.2	-3.2
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	199,553 (8.6)	31.3	27.4	21.6	6.7	15.1	16.4	3.7	3.2	0.8	0.8	2.1	-15.8
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	37,755 (1.6)	11.6	19.0	15.5	13.7	12.9	13.8	2.2	2.0	-2.3	-3.5	-0.8	-23.5
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	263,384 (11.4)	13.9	12.0	11.9	-	13.5	11.6	1.4	1.3	1.4	3.9	16.2	-35.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	71,730 (3.1)	6.3	13.7	11.3	11.7	21.5	22.1	2.7	2.2	0.8	-4.9	5.5	-2.3
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	34,481 (1.5)	12.7	12.3	9.8	-5.3	16.1	17.2	1.7	1.4	1.1	-3.9	1.6	-12.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	208,281 (9.0)	0.0	5.8	4.9	14.3	20.7	19.5	1.1	0.9	-0.7	-1.2	5.8	-28.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	114,546 (4.9)	1.4	6.2	5.5	50.3	18.3	20.5	1.1	1.0	0.0	-7.8	5.6	-25.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	331,392 (14.3)	0.0	6.6	6.4	18.8	21.1	17.1	1.3	1.0	0.3	-5.3	-0.5	-19.4
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	198,557 (8.6)	0.0	6.1	5.0	14.6	24.1	22.9	1.3	1.0	-0.6	-5.4	5.8	-11.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	55,991 (2.4)	4.2	6.7	5.7	23.3	22.4	20.6	1.4	1.1	1.4	-1.6	12.2	-19.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	396,956 (17.1)	14.0	9.4	7.9	26.5	12.0	16.8	1.0	0.9	1.5	3.5	2.2	-33.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	89,148 (3.8)	0.0	11.5	6.4	37.4	22.9	21.0	1.3	1.1	-4.2	10.5	11.7	-35.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	5,827 (0.3)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	1.3	2.6	0.0	-7.1
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	86,178 (3.7)	21.0	16.1	13.2	15.8	11.0	12.2	1.6	1.5	2.6	-8.4	1.4	-8.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	14,517 (0.6)	14.2	15.1	12.2	9.1	13.0	15.2	1.7	1.6	3.2	-7.4	3.4	-29.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	532,306 (23.0)	55.4	9.9	10.3	-3.2	17.4	12.9	-	-	-6.2	-	-5.6	-53.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	181,686 (7.8)	71.9	7.6	-	-4.0	27.1	-	-	-	-5.8	13.7	13.8	-53.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	95,242 (4.1)	52.4	7.1	-	-19.0	19.5	-	-	-	-5.5	12.6	0.0	-56.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	223,245 (9.6)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-6.5	12.6	-4.8	-37.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	123,657 (5.3)	42.1	15.2	13.9	4.0	28.0	28.8	4.0	3.7	-0.5	-6.4	0.0	-23.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	26,855 (1.2)	36.9	22.5	18.8	7.3	20.0	21.3	4.1	3.6	-2.0	-6.2	-7.8	-0.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	114,073 (4.9)	16.5	23.6	18.2	-51.9	18.6	21.2	3.7	3.1	-2.5	-9.8	9.7	-25.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	28,920 (1.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-3.9	-8.3	-1.9	-53.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	86,526 (3.7)	11.0	55.0	-	-88.5	7.7	-	-	-	-0.1	-1.6	-0.9	-2.7
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	180,273 (7.8)	10.8	20.2	16.4	-57.0	12.1	13.5	2.3	2.1	3.1	-	2.1	12.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	109,619 (4.7)	38.4	6.4	31.3	65.7	14.1	2.6	0.9	0.9	-1.1	-	0.0	-60.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	34,353 (1.5)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-4.4	-9.7	-	-79.4
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	261,964 (11.3)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	1.1	1.1	12.1	-43.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	31,260 (1.3)	3.6	46.8	11.3	-52.4	1.3	4.5	-	-	4.3	0.9	30.2	-48.9
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	119,172 (5.1)	0.0	14.5	13.0	-4.5	15.5	14.1	2.5	2.2	4.6	-5.7	28.5	50.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND triệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	154,826 (6.7)	46.1	18.8	17.8	-17.5	22.1	20.7	4.2	3.8	6.8	-3.1	26.0	31.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	42,174 (1.8)	31.4	14.3	13.5	-10.5	15.0	14.5	1.9	1.8	5.1	12.5	42.8	9.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,813 (0.1)	34.1	14.3	7.5	-5.1	8.4	16.0	-	-	-1.9	-9.9	2.3	-26.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	746,295 (32.2)	18.0	4.5	4.5	21.9	31.8	23.7	1.1	0.9	-4.7	-8.7	-	-34.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	322,754 (13.9)	36.5	6.0	9.5	-0.5	36.1	19.2	1.7	1.6	4.1	10.5	22.0	20.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	256,635 (11.1)	46.5	7.3	10.5	-4.5	35.7	20.6	2.2	2.0	5.7	-8.7	38.3	5.7
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	184,628 (8.0)	38.9	3.4	4.7	67.9	26.7	15.3	0.7	0.6	-6.9	-8.3	-	-49.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	52,451 (2.3)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.7	1.2	13.5	-39.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	60,710 (2.6)	4.6	20.1	16.4	-51.0	11.0	12.3	2.1	1.9	2.6	-7.7	15.4	-20.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	204,412 (8.8)	39.9	41.6	20.8	-11.9	1.9	4.1	0.8	0.8	4.5	-5.5	34.5	-10.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	84,776 (3.7)	35.9	9.1	8.4	2.2	14.6	14.4	1.2	1.2	3.2	-9.7	26.9	-12.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	203,991 (8.8)	0.0	16.4	13.9	14.4	28.1	28.2	4.3	3.9	2.5	-6.2	14.7	5.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	139,978 (6.0)	0.0	18.8	15.0	2.4	22.3	22.2	3.3	2.8	3.3	-9.4	19.0	20.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	10,819 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.6	0.4	52.6	-3.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	147,093 (6.3)	30.3	19.0	16.8	-75.2	29.8	26.0	-	-	-2.3	-6.3	23.6	34.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	33,024 (1.4)	34.6	9.2	10.7	41.2	33.0	24.6	2.7	2.4	1.4	-5.7	20.4	-7.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,241 (0.1)	45.4	13.8	12.7	10.7	22.3	21.7	2.8	2.5	0.0	-1.1	-3.7	-19.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	240,510 (10.4)	0.0	21.2	16.4	15.5	26.4	28.1	4.9	4.3	3.4	-7.5	14.2	15.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Tiêu Phan Thanh Quang**  
Chuyên viên phân tích – Dầu khí & Tiện ích  
quangtpt@kbsec.com.vn

**Nguyễn Đức Huy**  
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán  
huynd1@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Hóa chất  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Thủy sản & Dệt may  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.